

**Đầu cắm vít**  
**NPQH-BK-G14-P10**  
Số bộ phận: 578407

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                |
|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|
| Kích thước                                      | Tiêu chuẩn                                                             |
| Loại đệm kín trên ngông vận vít                 | Vòng đệm                                                               |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kì                                                                 |
| Thiết kế                                        | Vít cắm                                                                |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                     |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...2 MPA<br>-0.95 bar...20 bar<br>-13.775 psi...290 psi      |
| Lưu ý về áp suất vận hành                       | Nước: tối đa 0,6 MPa ở tối đa 0 - 50 °C                                |
| Cơ quan cấp chứng chỉ                           | NSF C0523185                                                           |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]<br>Nước (chất lỏng, không có đá)  |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                              |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 3 - ứng suất ăn mòn mạnh                                               |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L                                                      |
| Loại phòng sạch                                 | Phần tử được cài đặt tĩnh, không thể đánh giá phù hợp theo ISO 14644-1 |
| Phù hợp với thực phẩm                           | xem tuyên bố về sự phù hợp<br>NSF/ANSI 169                             |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | 0 °C...150 °C                                                          |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa                | 7.5 N m                                                                |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa        | ± 20 %                                                                 |
| trọng lượng sản phẩm                            | 8.9 g                                                                  |
| Kiểu gắn                                        | Ổ cắm lục giác SW6                                                     |
| Cổng nối khí nén 1                              | Ren ngoài G1/4                                                         |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                          |
| Vật liệu vỏ                                     | Đồng thau, mạ niken hóa học                                            |
| Vật liệu vòng bít ren                           | FPM                                                                    |